TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 31-7-2026
V/v " ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Lanh và bà Hoàng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Bà Quách Thị Nên- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc *" ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn* ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số146/2026/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 23-01-1992. Số căn cước công dân: 030092004732. Nơi cấp: Cục sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 28-6-2021.

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 02-3-1995. Số Căn cước công dân: 030195002082. Nơi cấp: Cục sátđăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 15-5-2018.

NĐKHKTT: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng

Hiện đang làm việc tại nước ngoài

(D, chị H đều vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Hoàng Thị H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường B, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10-12-2013. Sau khi kết hôn anh chị

chung sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố P. Anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 11-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Trước đó mặc dù anh chị sống chung cùng nhau nhưng không ai còn quan tâm đến ai nữa. Đến khoảng đầu năm 2026 chị H bỏ đi lao động ở nước ngoài. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh cũng nhiều lần trao đổi với gia đình hai bên để hoà giải nhưng chị H không nghe. Do vậy anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11-8-2014; Nguyễn Thành H1, sinh ngày 24-3-2021; Nguyễn Trúc Ngọc N, sinh ngày 18-10-2024. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với anh. Nay anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 3 cháu. Anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng. Anh ở chung cùng bố mẹ đẻ nên được ông bà hỗ trợ thêm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án có triệu tập bị đơn chị Hoàng Thị H. Tuy nhiên Tòa án chỉ giao được các văn bản tố tụng cho người thân của chị H nhận thay. Chị H cũng không đến Tòa án làm việc. Tòa án có làm việc với ông Hoàng Văn D1 (bố đẻ của chị Hoàng Thị H) trình bày: Quá trình Toà án giải quyết vụ án có giao các văn bản tố tụng cho chị H ông đã chụp lại và gửi cho chị H được biết. Ông có liên hệ qua ứng dụng Zalo để Toà án nói chuyện trực tiếp với chị H. Tại cuộc nói chuyện chị H có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D chơi bời, không quan tâm đến gia đình và vợ con. Anh D2 còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thay đổi. Do vậy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 6-2025 đến nay. Anh D2 tự ý bỏ nhà đi ra ngoài thuê nhà ở. Chị đi lao động ở Nhật Bản từ đầu năm 2026 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài hơn được nhưng chị không đồng ý ly hôn. Lý do chị không đồng ý vì chị không muốn các con thiếu đi tình cảm của bố mẹ. Nếu anh D2 vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đó là quyền

của anh D2 tự quyết định. Chị vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung như anh D2 khai là đúng. Hiện nay cả 3 cháu đều đang ở cùng với anh D2 và ông bà nội. Nếu anh D2 vẫn kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý giao cả 3 cháu cho anh nuôi dưỡng. Vì hiện nay chị đang đi làm ăn xa không có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các cháu trực tiếp được.

Về tài sản chung: Anh chị có tài sản chung nhưng hiện nay chị đang đi làm ăn xa nhà nên không có ở nhà để giải quyết được. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do hiện nay chị đang làm ăn ở bên Nhật Bản, điều kiện xa xôi không thể về làm việc theo giấy triệu tập của Toà án được. Chị xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên toà.

Tại Công văn số 4342/XNC-Đ1 15-6-2026 của Quản lý xuất nhập cảnh – Công an thành phố H xác định: Chị Hoàng Thị H, sinh ngày 02/3/1995 (Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng). Xuất cảnh gần nhất ngày 17-2-2026 bằng hộ chiếu E04182595 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Văn D và bị đơn chị Hoàng Thị H vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

quan hệ hôn nhân: Xử anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị H.

con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11-8-2014; Nguyễn Thành H1, sinh ngày 24-3-2021; Nguyễn Trúc Ngọc N, sinh ngày 18-10-2024 cho anh Nguyễn Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Duy tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Hoàng Thị H. Chị H có đăng hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng. Hiện nay chị H đang đi lao động ở nước ngoài. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tụng dân sự. Tại phiên toà anh D, chị H vắng mặt có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh D.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn D được tự nguyện tìm hiểu có đăng kết hôn vào ngày 10-12-2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường B, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mặc dù chị H không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng xác định không còn tình cảm với anh D và thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6-2025 đến nay. Xác minh tại gia đình và địa phương đều thể hiện anh chị cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh D và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh D ly hôn chị H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11-8-2014; Nguyễn Thành H1, sinh ngày 24-3-2021; Nguyễn Trúc Ngọc N, sinh ngày 18-10-2024. Hiện nay cả 3 cháu đều đang ở cùng với anh D. Anh Duy có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 3 cháu và chị H cũng đồng ý. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Duy có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do vậy cần tiếp tục giao các con chung là Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thành H1, Nguyễn Trúc Ngọc N cho anh Nguyễn Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn D tự nguyện không yêu cầu chị Hoàng Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D2 và chị H cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị H.

con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 11-8-2014; Nguyễn Thành H1, sinh ngày 24-3-2021; Nguyễn Trúc Ngọc N, sinh ngày 18-10-2024 cho anh Nguyễn Văn D được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn D tự nguyện không yêu cầu chị Hoàng Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền hiệu BLTU/26E số 0003655 ngày 03-4-2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh D2 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND phường Bắc An Phụ, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 066/2013 ngày 10-12-2013)
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt